

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 532/2022/ KDTM-PT

Ngày 30 tháng 8 năm 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Hường

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 và ngày 30/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLPT-KDTM ngày 07/7/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3865/2022/QĐ-PT ngày 18/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10479/2022/QĐ-PT ngày 08/8/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11204/2022/QĐPT-KDTM ngày 26/8/2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH T Bình Dương

Đại diện theo pháp luật: Ông Chen I S – Chủ tịch HĐQT.

Trụ sở: 08 Đường số X, Khu công nghiệp V – S, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo ủy quyền: Bà La Thị N, sinh năm 1995

Địa chỉ: 08 Đường số X, Khu công nghiệp V – S, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Văn bản ủy quyền số 01/2017 ngày 12/6/2017 và số 03/2021 ngày 09/4/2021) (Yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch S

Trụ sở: 113 Đường XY, Phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Ngọc L – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: 5.10 Lô A, Chung cư Bình T, phường Bình T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2320/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/5/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

Ngày 12/01/2020, Công ty TNHH T Bình Dương (Viết tắt là Công ty T) và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch S (Viết tắt là Công ty S) có ký Hợp đồng dịch vụ số HQ 290320/HDDL. Theo đó Công ty S nhận thực hiện tổ chức tour du lịch cho bên Công ty T “Chương trình tham quan Hàn Quốc (6 ngày 5 đêm)” thời gian từ 29/3/2020 đến 03/4/2020. Tuy nhiên, vì lý do bất khả kháng là bùng nổ dịch Covid-19 dẫn đến đoàn không thể khởi hành và phải thanh lý hợp đồng mà chưa sử dụng bất kỳ dịch vụ nào từ Công ty S. Ngày 17/12/2020, hai bên đã tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng và thống nhất Công ty S hoàn lại toàn bộ tiền mà Công ty T đã thanh toán là 234.000.000 đồng làm 02 đợt, hạn cuối trước ngày 10/02/2021.

Tuy nhiên, đến ngày 10/02/2021, Công ty S chỉ mới trả được 105.000.000 đồng cho Công ty T.

Ngày 08/4/2021, Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty S trả số tiền 129.000.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 10/02/2021 đến hết ngày 05/5/2022 (lãi suất vay ngân hàng V) là $10,5\%/năm \times 14 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} \times 129.000.000 \text{ đồng} = 16.743.125 \text{ đồng}$. Tổng cộng là: 145.743.125 đồng.

Yêu cầu Công ty S tiếp tục thanh toán tiền lãi từ ngày 06/5/2022 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Bị đơn: Vắng mặt nên không có lời khai.

Bản án sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH T Bình Dương: Buộc bị đơn - Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Du lịch S có nghĩa vụ thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn số tiền nợ và lãi tổng cộng là: 145.743.125 (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng (gồm: Nợ 129.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 10/02/2021 đến hết ngày 05/5/2022 là: $14 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} \times 129.000.000 \text{ đồng} = 16.743.125 \text{ đồng}$) + Tiền lãi phát sinh mỗi ngày tiếp theo tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí KDTM sơ thẩm:

2.1 Bị đơn phải nộp: 7.287.156 (Bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn một trăm năm mươi sáu) đồng.

2.2 Trả lại cho nguyên đơn - Công ty TNHH T Bình Dương toàn bộ số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp là 3.281.000 (Ba triệu hai trăm tám mươi một nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0036404 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo, giải thích quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Đến ngày 31/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2320/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với bản án sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng:

- Tòa án nhân dân Quận 4 không thực hiện tổng đạt cho các đương sự Thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bản án dùng tài liệu phô tô (Hợp đồng dịch vụ số HQ 290320/HDDL và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/12/2020) làm căn cứ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn là vi phạm Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về việc xác định chứng cứ, tài liệu là bản chính, trường hợp là bản sao thì phải được công chứng, chứng thực hợp pháp.

Về nội dung: Giữ nguyên nội dung kháng nghị do vi phạm như sau:

- Tòa án sơ thẩm vừa chấp nhận tiền lãi phát sinh tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử là ngày 06/5/2022, vừa tuyên án trong giai đoạn thi hành án kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tòa án sơ thẩm tuyên án như trên trong giai đoạn thi hành án Công ty S sẽ chịu hai lần tiền lãi là gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty S và không đúng quy định pháp luật;

- Tòa án sơ thẩm đã quyết định: “*Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*” là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP-TATC ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vì lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng trong trường hợp các bên không thỏa thuận mức lãi suất nên Tòa án phải quyết định mức lãi suất trong giai đoạn thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/12/2020 giữa hai bên, Công ty S phải hoàn lại toàn bộ số tiền đã nhận là 234.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 10/02/2021, Công ty S chỉ mới trả 105.000.000 đồng nên Công ty T yêu cầu phải hoàn trả số tiền còn lại và tiền lãi là 145.743.125 đồng. Như vậy, trong trường hợp này không thuộc phạm vi điều chỉnh của Điều 306 Luật Thương mại: “*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác...*” mà thuộc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự, điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường để buộc bị đơn phải chịu trong giai đoạn xét xử và thi hành án là không đúng quy định

Đề nghị cấp phúc thẩm:

+ Chấp nhận toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 2320/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/5/2022 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 4. Chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân Quận 4 giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng bản án sơ thẩm vi phạm tố tụng và nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch S mã số doanh nghiệp 0312273323 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (cung cấp theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Quận 4) theo đó xác định bị đơn Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Du lịch S có đăng ký địa chỉ trụ sở tại 113 Đường XY, Phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại của người đại diện theo pháp luật là ông Phan Ngọc L cùng tại số 510 Đường Z, khu phố X, phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả xác minh ngày 06/4/2022 của Công an phường B, Thành

phổ Thủ Đức thì “Phan Ngọc L, sinh năm 1989 có hộ khẩu thường trú tại 5.10 Lô A, Chung cư Bình T, phường Bình T, Thành phố Thủ Đức...”.

Ngày 14/12/2021, Tòa án nhân dân Quận 4 thực hiện niêm yết giấy triệu tập (mời làm việc lúc 14 giờ ngày 30/12/2021) tại trụ sở Công ty S mà không niêm yết cho người đại diện theo pháp luật, không thực hiện tổng đạt cho các đương sự Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (14 giờ ngày 30/12/2021) theo quy định tại Điều 178, Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định những vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được “1. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt...”, tuy nhiên Tòa án nhân dân Quận 4 chỉ triệu tập 01 lần và lập Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 30/12/2021 mà không tiếp tục thực hiện tổng đạt cho các đương sự Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 2 là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng (Hồ sơ không có Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải). Trong hồ sơ còn có các biên bản niêm yết ngày 10/3/2022, ngày 06/5/2022, ngày 31/5/2022 vi phạm tố tụng. Xét đề nghị của Viện kiểm sát về vi phạm tố tụng là phù hợp nên chấp nhận.

[1.2] Về sử dụng tài liệu chứng cứ Hợp đồng dịch vụ số HQ 290320/HDDL ngày 12/01/2020 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/12/2020, tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2021, Công ty T thể hiện đính kèm tài liệu theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng dịch vụ số HQ 290320/HDDL (bản sao chứng thực); Biên bản thanh lý hợp đồng số TLHĐ:HQ151220/TLHĐ ngày 17/12/2020 (sao y chứng thực), tuy nhiên, xét thấy trong hồ sơ cả 02 tài liệu này đều là bản photo, không có chứng thực, sao y hay đã đối chiếu bản chính theo quy định. Tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 30/12/2021, Công ty T không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới, Tòa án nhân dân Quận 4 cũng không yêu cầu Công ty T cung cấp tài liệu bản chính là vi phạm Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự về tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính, hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp Tại phiên tòa ngày 26/8/2022 cấp phúc thẩm ngừng phiên tòa đề nghị nguyên đơn cung cấp bản chính hoặc bản sao y Hợp đồng dịch vụ số HQ 290320/HDDL ngày 12/01/2020 và Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 17/12/2020. Ngày 29/8/2022 nguyên đơn đã nộp bổ sung, do đó Viện kiểm sát xác định Tòa án nhân dân Quận 4 vi phạm trong đánh giá tài liệu chứng cứ là có cơ sở nhưng do tài liệu đã được bổ túc nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc thu thập, đánh giá tài liệu chứng cứ.

[1.3] Tại phần Quyết định của bản án ghi: “Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH T Bình Dương: Buộc bị đơn - Công ty cổ phần thương mại dịch vụ Du lịch S có nghĩa vụ thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho nguyên đơn số tiền nợ và lãi tổng cộng là: 145.743.125 (Một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn một trăm hai mươi lăm) đồng (gồm: nợ 129.000.000 đồng và lãi tính từ ngày

10/02/2021 đến hết ngày 05/5/2022 là: 14 tháng 25 ngày x 129.000.000 đồng = 16.743.125 đồng) + Tiền lãi phát sinh mỗi ngày tiếp theo tính từ ngày 06/5/2022 cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”.

Tòa án sơ thẩm tuyên án như trên thì trong giai đoạn thi hành án Công ty S sẽ chịu hai lần tiền lãi, gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty S như Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[1.4] Việc quyết định lãi, lãi suất do chậm thanh toán:

Xét tại Điều 3 Biên bản thanh lý hợp đồng số TLHĐ:HQ151220/TLHĐ ngày 17/12/2020 các bên có thỏa thuận: “... nếu bên A chậm thanh toán thì bên A phải chịu khoản trả chậm theo đúng lãi suất ngân hàng V - CN HCM trên tổng số tiền chưa thanh toán”, tính đến trước ngày 10/02/2021 Công ty S vẫn chưa thanh toán cho Công ty T 129.000.000 đồng nên kể từ ngày 10/02/2021 Công ty S phải chịu trách nhiệm trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả như các bên đã thỏa thuận.

Do tranh chấp giữa các bên thuộc lĩnh vực kinh doanh thương mại là trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 Luật thương mại và Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại là 15%/năm và xét yêu cầu của nguyên đơn tính lãi suất theo lãi suất vay của ngân hàng V là 10,5%/năm là thấp hơn quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên cấp sơ thẩm ghi nhận là phù hợp quy định.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Do các bên đương sự có thỏa thuận về việc trả lãi đối với trường hợp chậm trả nhưng không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất nên cấp sơ thẩm áp dụng “*Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả*” là chưa phù hợp mà phải áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong Công ty S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại”. Tại điểm a Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP quy định “...lãi suất các bên thỏa thuận nhưng **phải phù hợp với quy định của pháp luật**; – do đây là vụ án kinh doanh thương mại nên áp dụng Luật thương mại không áp dụng Bộ luật dân sự như kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm để tiếp tục giải quyết vụ án do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm c Khoản 5 Điều 314 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị số 2320/QĐKNPT-VKS-KDTM ngày 31/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2022/KDTM-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 4;
- TAND Quận 4;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Thảo